

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng
trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố
và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP, ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Nghị định số 21/2014/NĐ-CP, ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 77/2009/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Phần I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gồm các nội dung sau: Đối tượng, hình thức,

tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; đối tượng, hình thức, tiêu chuẩn khen thưởng; hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng các cấp, Hội đồng Khoa học, sáng kiến các cấp; thẩm quyền quyết định, tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và Quỹ thi đua khen thưởng.

2. Thông tư này không quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua đối với học viên các học viện, trường Công an nhân dân, danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước” và Kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng; Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 3, Điều 4 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện công khai, dân chủ, đề nghị theo trình tự từ cơ sở, chú trọng tập thể, cá nhân trực tiếp chiến đấu, có nhiều chiến công, thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ quy định.

3. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng ở mức cao hơn.

4. Đối với nữ là lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

5. Trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng. Hình thức khen thưởng cấp nhà nước gồm: các danh hiệu anh hùng, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, các loại huân chương và bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quy định việc xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng trong một số trường hợp cụ thể

1. Những trường hợp được xét tặng danh hiệu thi đua

a) Đối tượng nữ nghỉ chế độ thai sản theo quy định;

b) Trường hợp bị thương khi làm nhiệm vụ phải nghỉ việc để điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên;

c) Trường hợp cá nhân đi học, bồi dưỡng (hình thức vừa học, vừa làm) chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua. Cá nhân đi học, bồi dưỡng (hình thức tập trung) liên tục từ 01 năm trở lên có kết quả học tập đạt loại khá trở lên thì năm đó được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” hoặc “Lao động tiên tiến”. Cá nhân đi học, bồi dưỡng (hình thức tập trung) không liên tục từ 01 năm trở lên hoặc có thời gian học dưới 01 năm thì căn cứ kết quả học tập và thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu thi đua;

d) Trường hợp chuyển đơn vị công tác, cá nhân chuyển đơn vị công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu thi đua, nếu thời gian công tác tại đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của đơn vị cũ.

Trường hợp học viên ra trường về công tác tại đơn vị mới thực hiện bình xét danh hiệu thi đua cuối năm trên cơ sở kết quả tốt nghiệp và thời gian công tác tại đơn vị mới.

đ) Chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân nhập ngũ đợt 1 của năm.

2. Tập thể, cá nhân đang trong thời gian phải xem xét xử lý kỷ luật hoặc xử lý theo pháp luật chưa được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức phải xử lý kỷ luật, xử lý theo pháp luật thì tiếp tục được xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định.

3. Những trường hợp không được xét tặng danh hiệu thi đua

a) Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua hoặc đăng ký thi đua không đúng thời hạn quy định;

b) Đơn vị mới thành lập tính đến thời điểm tổng kết thi đua chưa đủ 10 tháng hoạt động;

c) Cá nhân mới tuyển dụng hoặc mới được ký hợp đồng lao động dưới 10 tháng hoặc trong năm nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên (trừ những trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, Khoản 1 Điều này);

d) Chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân nhập ngũ đợt 2 của năm.

4. Tập thể, cá nhân bị kỷ luật chưa hết thời hiệu xử lý kỷ luật không được xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

5. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ, công đoàn, hội nghề nghiệp trong Công an nhân dân thực hiện việc xét tặng danh hiệu thi đua theo quy định của Cơ quan trung ương của các tổ chức đó, không xét tặng danh hiệu thi đua theo quy định tại Thông tư này.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên phạm vi toàn quốc.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng Công an các cấp

a) Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để tổ chức phát động thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua trong Công an đơn vị, địa phương, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong phạm vi quản lý; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phát động thi đua, xét khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, các phong trào thi đua theo chuyên đề bảo vệ an ninh, trật tự phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban nhân dân, Công an cấp trên và đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị;

b) Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của Công an đơn vị, địa phương và các phong trào thi đua khác;

c) Động viên, khích lệ cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhân dân tự giác, hăng hái thi đua thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân;

d) Đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo việc thực hiện, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua;

đ) Phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua;

e) Giám sát việc thực hiện và đề xuất các giải pháp để thực hiện tốt các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phong trào thi đua do cấp trên phát động, có kế hoạch xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng, chỉ tiêu, khẩu hiệu và biện pháp tổ chức thực hiện phong trào thi đua thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị chức năng trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân là cơ quan thường trực giúp Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an và Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ Công an thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân, Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2. Cục Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc:

a) Tham mưu, giúp Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an tổ chức thực hiện phong trào thi đua đối với lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

b) Phối hợp với Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân đề xuất khen thưởng đối với Công an xã, Bảo vệ dân phố và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng Công an các cấp:

a) Tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng và thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua;

b) Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện;

c) Tham mưu sơ kết, tổng kết, thông báo kết quả các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan tư vấn cho Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Công an phụ trách lĩnh vực công tác nào có trách nhiệm nhận xét, chấm điểm lĩnh vực công tác đó đối với Công an địa phương phục vụ việc xét tặng danh hiệu thi đua hàng năm; tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá đối với các trường hợp đề nghị phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Cơ quan Kiểm tra Đảng, Thanh tra Công an nhân dân các cấp có trách nhiệm rà soát, cung cấp thông tin về kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với các tập thể, cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

6. Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản trong Công an nhân dân có trách nhiệm tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong các phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hiện tượng tiêu cực về thi đua, khen thưởng trong Công an nhân dân.

Phần II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Mục 1

ĐỐI TƯỢNG, DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Đối tượng được tặng danh hiệu thi đua

1. Đối với cá nhân:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân;

b) Công nhân, viên chức Công an nhân dân, lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên.